

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015**

*Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét
(Báo cáo soát xét số: 48/2015/BCSX-TC ngày 14/08/2015)*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN KIỂM TOÁN QUẢNG NINH
(AASC QUẢNG NINH)**



Trụ sở chính: Cột 2 – Nguyễn Văn Cừ – Phường Hồng Hải – TP. Hạ Long – Quảng Ninh – Việt Nam
Tel: (84) 33.3.811.958 / 811.959 / 091.3.024.298; **Fax:** 3.811.959; **Email:** fuongaaascqn@yahoo.com

VPDD: Tại TP. Hà Nội, P310 - Ng2 - Khu Đô thị mới Pháp Vân - Q. Hoàng Mai; **Mobil:** 091.3.024.298;
Tại TP. Hải Phòng, số 36 - Trần Nhân Tông - Quận Kiến An; **Tel/Fax:** .31.3.8.78679;
Tại TP. Thái Bình, số 109 - Lý Thường Kiệt - Phường Kỳ Bà; **Tel/Fax:** 0.36.3.7.34800;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Công ty

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh được chuyển thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 5700100231 đăng ký lần đầu, ngày 01 tháng 04 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Thực hiện công văn 2689/TTg-ĐMDN ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Ngày 23/4/2015 Vinalines đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Vinalines sở hữu tại công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần tập đoàn T&T. Số cổ phần chuyển nhượng là 49.060.387 cổ phần, chiếm 98,02% vốn điều lệ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/VINALINES - T&T.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1 Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Quảng Ninh.

Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp xếp dỡ Cái Lân
- Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long
- Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ
- Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi
- Trung tâm điều độ

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký: Bốc xếp hàng hoá, Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn tổng hợp; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu trữ hàng hoá; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Dịch vụ Hàng hải; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Giao nhận hàng hoá, Kinh doanh dịch vụ Logistics; đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm: 05 người

Ông: Phạm Ngọc Tuấn : Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)

Ông: Nguyễn Quốc Hưng : Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)

Ông: Bùi Quang Đạo : Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)

Ông: Nguyễn Văn Mạnh : Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)

Ông: Đỗ Ngọc Khanh : Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

Ông: Nguyễn Văn Hạnh	: Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)
Ông: Hoàng Thanh Hải	: Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)
Ông: Trần Tuấn Hải	: Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)
Ông: Bùi Quang Đạo	: Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)
Ông: Quách Đình Phú	: Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm 03 người:

Ông: Nguyễn Anh Dũng	: Trưởng ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)
Ông: Phùng Xuân Dũng	: Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)
Bà: Phạm Thị Tâm	: Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 08/08/2015)
Bà: Vũ Thị Thanh Duyên	: Trưởng ban kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)
Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo	: Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)
Ông: Nguyễn Đức Sơn	: Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 08/08/2015)

Các thành viên của Ban điều hành quản lý bao gồm: 06 người

Ông: Bùi Quang Đạo	: Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11/08/2014)
Ông: Đinh Anh Tuấn	: Phó tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11/08/2014)
Ông: Nguyễn Quốc Hưng	: Phó tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2015)
Ông: Hoàng Trọng Tùng	: Phó tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11/08/2014)
Ông: Quách Đình Phú	: Phó tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11/08/2014)
Ông: Lê Trung Dũng	: Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 11/08/2014)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán (QNAASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty. QNAASC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán được áp dụng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

11/08/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hạ Long, ngày 09 tháng 08 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Đạo



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN QUẢNG NINH

QUANG NINH AUDITING ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (QUANG NINH AASC)

Trụ sở chính: Cột 2 - Nguyễn Văn Cừ - TP. Hạ Long - Quảng Ninh (Khu nhà 3 tầng - Công ty CP May Quảng Ninh); Website: www.qnaasc.com

Tel: (84)33.3.811958/ 3.811959/ 091.3.024298; Fax: 3.811959; Email: fuongaascqn@yahoo.com / kiemtoan@qnaasc.com

VP Đại diện: TP. Hà Nội, P310 - Ngõ 2 - Khu Đô thị mới Pháp Vân - Q. Hoàng Mai; Tel: 098.3.024298; Email: qnaaschanoi@yahoo.com

TP. Hải Phòng, số 36 - Trần Nhân Tông - Quận Kiến An; Tel/Fax: 0.31.3.8.78679; Email: qnaaschaihphong@yahoo.com

TP. Thái Bình, số 109 - Lý Thường Kiệt - Phường Kỳ Bá; Tel/Fax: 0.36.3.7.34800; Email: qnaascthaibinh@yahoo.com

Số: 48/2015/BCSX-TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh được lập tại ngày 09/08/2015 từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan.

Hạ Long, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
Kiểm toán Quảng Ninh
Giám đốc



Trần Thanh Phương

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0169-2013-145-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thu Hằng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0594-2013-145-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.958.675.042	165.339.780.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.638.124.839	11.121.670.616
1. Tiền	111	1	29.638.124.839	11.121.670.616
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		118.078.814.939	102.090.722.075
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	90.887.294.316	76.658.016.967
2. Trả trước cho người bán	132		25.852.829.439	25.023.079.435
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	3	7.379.093.898	6.450.028.387
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.040.402.714)	(6.040.402.714)
IV. Hàng tồn kho	140	5	52.066.669.082	50.720.366.973
1. Hàng tồn kho	141		52.066.669.082	50.720.366.973
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		175.066.182	1.407.021.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	156.818.182	1.388.773.010
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	18.248.000	18.248.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.879.015.442	404.394.446.933
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		356.321.800.057	363.442.137.259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	353.657.722.270	360.533.996.974
- Nguyên giá	222		610.218.054.771	594.589.232.479
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(256.560.332.501)	(234.055.235.505)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.664.077.787	2.908.140.285
- Nguyên giá	228		3.940.000.000	3.940.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.275.922.213)	(1.031.859.715)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	4.576.739.922	15.115.306.285
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.576.739.922	15.115.306.285
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	18.974.967.659	18.974.967.659
1. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		36.938.895.166	36.938.895.166
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(17.963.927.507)	(17.963.927.507)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.005.507.804	6.862.035.730
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6	6.005.507.804	6.862.035.730
Tổng công tài sản	270		585.837.690.484	569.734.227.607

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		58.692.765.789	62.524.750.965
I. Nợ ngắn hạn	310		58.692.765.789	62.524.750.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	33.661.184.055	16.196.795.364
2. Người mua trả tiền trước	312		3.162.391.179	1.338.615.951
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.621.666.541	5.280.454.258
4. Phải trả người lao động	314		16.186.003.194	26.232.670.065
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	431.092.261	4.521.099.106
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	7	-	6.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.630.428.559	2.955.116.221
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		527.144.924.695	507.209.476.642
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	527.144.924.695	507.209.476.642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.499.360.000	500.499.360.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.645.564.695	6.710.116.642
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		88.197.998	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.557.366.697	6.710.116.642
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn	440		585.837.690.484	569.734.227.607

Người lập biểu
(Chữ ký, họ tên)

Nguyễn Thị Quỳnh
Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Lê Trung Dũng
Lê Trung Dũng

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Đạo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2015

Số: 123/GC/2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	185.458.436.721	131.744.210.117
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	185.458.436.721	131.744.210.117
11	4. Giá vốn hàng bán	3	136.538.695.222	111.500.046.320
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.919.741.499	20.244.163.797
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	4	140.236.114	76.802.080
22	7. Chi phí tài chính	5	400.334.568	5.026.785.253
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		346.030.001	5.022.758.450
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7	20.730.673.569	13.325.534.913
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.928.969.476	1.968.645.711
31	11. Thu nhập khác	6	281.078.182	63.000.000
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		281.078.182	63.000.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.210.047.658	2.031.645.711
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8	1.652.680.961	298.532.380
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.557.366.697	1.733.113.331

Người lập biểu

(Chữ ký, họ tên)

Nguyễn
Nguyễn Thị Nguyệt

Kế toán trưởng

(Chữ ký, họ tên)

Lê Trung Dũng
Lê Trung Dũng

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Bùi Quang Đạo
Bùi Quang Đạo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính : VND	
			Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiến thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		194.846.242.661	133.777.666.253
02	2. Tiến chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(49.477.105.486)	(33.213.290.498)
03	3. Tiến chi trả cho người lao động		(58.194.209.495)	(34.271.828.237)
04	4. Tiến chi trả lãi vay		(346.030.001)	(9.664.386.666)
05	5. Tiến chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.563.357.855)	-
06	6. Tiến thu khác từ hoạt động kinh doanh		855.081.509	11.347.091.641
07	7. Tiến chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.479.923.439)	(41.841.583.334)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.640.697.894	26.133.669.159
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiến chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.790.259.601)	(1.622.500.000)
22	2. Tiến thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiến chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(16.000.000.000)
24	4. Tiến thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	16.000.000.000
25	5. Tiến chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiến thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiến thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.262.236	73.282.355
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.757.997.365)	(1.549.217.645)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiến thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiến chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiến vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		7.050.000.000	6.150.000.000
34	4. Tiến chi trả nợ gốc vay		(13.050.000.000)	(41.945.000.000)
35	5. Tiến chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.366.246.306)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.366.246.306)	(35.795.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.516.454.223	(11.210.548.486)
60	Tiến và tương đương tiền đầu kỳ		11.121.670.616	22.713.559.151
61	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiến và tương đương tiền cuối kỳ		29.638.124.839	11.503.010.665

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu
(Chữ ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Chữ ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Quỳnh
Nguyễn Thị Quỳnh

Lê Trung Dũng
Lê Trung Dũng



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC

10/08/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh được chuyển thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 5700100231 đăng ký lần đầu, ngày 01 tháng 04 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 22 tháng 8 năm 2014.

Thực hiện công văn 2689/TTg-ĐMDN ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Ngày 23/4/2015 Vinalines đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Vinalines sở hữu tại công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần tập đoàn T&T. Số cổ phần chuyển nhượng là 49.060.387 cổ phần, chiếm 98,02% vốn điều lệ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/VINALINES - T&T.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1 Cái Lân - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Quảng Ninh.

2- Lĩnh vực kinh doanh

- + Xếp dỡ, bảo quản, giao nhận hàng hoá;
- + Chuyển tải hàng hoá tại khu vực;
- + Dịch vụ hàng hải.
- + ...

3- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ hàng hải**4- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp xếp dỡ Cái Lân
- Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long
- Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ
- Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi
- Trung tâm điều độ

II - KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

1 - Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III - CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 - Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hối tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

2 - Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

3 - Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

IV - CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 - Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng gồm:**

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2 - Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư khác được trình bày theo giá trị ghi sổ. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào đơn vị khác được Công ty trích lập dựa trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

3 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được giá thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4- Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao TSCĐ hữu hình:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	5 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị:	3 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	6 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý:	3 - 10 năm

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định vô hình khác:	3 - 10 năm
---------------------------------	------------

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

7- Nguyên tắc kế toán ghi nhận chi phí trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8 - Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn thực đã đầu tư của chủ sở hữu theo điều lệ Công ty của các chủ sở hữu vốn. Đối với Công ty cổ phần thì vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản này theo mệnh giá;

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

9 - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**9.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh chi giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

9.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 - TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tiền mặt	2.142.006.652	2.263.539.475
- Tiền gửi ngân hàng	27.496.118.187	8.858.131.141
+Tiền gửi VND	24.207.568.216	8.400.771.457
- Ngân hàng Liên Việt - CN Quảng Ninh	5.664.142.445	2.849.179.423
- Ngân hàng Quốc tế - CN Quảng Ninh	5.574.762.945	1.385.420.786
- Ngân hàng TM CP Hàng hải Quảng Ninh	5.327.384.992	4.166.171.248
- Ngân hàng SHB	7.641.277.834	-
+Tiền gửi ngoại tệ	3.288.549.971	457.359.684
- Ngân hàng Liên Việt - CN Quảng Ninh	62.428.073	62.377.151
• Tiền gửi USD	40.630.908	40.610.454
• Tiền gửi EUR	21.797.165	21.766.697
- Ngân hàng Quốc tế - CN Quảng Ninh	2.564.010.305	17.371.792
• Tiền gửi USD	2.564.010.305	17.371.792
- Ngân hàng TM CP Hàng hải Quảng Ninh	662.111.593	377.610.741
• Tiền gửi USD	659.348.279	374.847.427
• Tiền gửi EUR	2.763.314	2.763.314
Cộng	29.638.124.839	11.121.670.616

2 - PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
+ VOSA Quảng Ninh (Chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)	33.826.796.788	10.750.131.166
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	57.060.497.528	65.907.885.801
Cộng	90.887.294.316	76.658.016.967
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.040.402.714)	(6.040.402.714)

3 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Phải thu khác (1388)	51.993.628	5.014.801.080
+ Bồi thường kinh phí đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật	35.993.628	35.993.628
+ Công ty dịch vụ TM HACHIMEX - HP	16.000.000	16.000.000
+ Ước ghi nhận doanh thu do khách hàng đã làm hàng xong trong năm 2014 nhưng chưa xuất được hóa đơn	-	4.962.807.452
- Tạm ứng (141)	688.041.403	658.425.592
- Phải thu khác (338)	6.639.058.867	776.801.715
+ Cục Hàng Hải Việt Nam	6.130.256.827	-
+ Bảo hiểm xã hội	227.410.554	322.195.066
+ Bảo hiểm y tế	44.615.602	46.930.553
+ Bảo hiểm thất nghiệp	29.985.447	31.287.036
+ Phải thu khác	206.790.437	376.389.060
Cộng	7.379.093.898	6.450.028.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 Cầu Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2015

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
* Đầu tư dài hạn khác						
+ Ngân hàng Hàng Hải	1.015.739.351		1.015.739.351	1.015.739.351		1.015.739.351
+ Công ty CP Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	2.000.000.000	207.213.772	2.207.213.772	2.000.000.000	207.213.772
+ Công ty CP Vinalines Logistics - Việt Nam	1.105.704.043		1.105.704.043	1.105.704.043		1.105.704.043
+ Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	24.550.600.000	15.963.927.507	8.586.672.493	24.550.600.000	15.963.927.507	8.586.672.493
+ Công ty CP TM và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	8.059.638.000		8.059.638.000	8.059.638.000		8.059.638.000
	36.938.895.166	17.963.927.507	18.974.967.659	36.938.895.166	17.963.927.507	18.974.967.659

* Chi tiết các khoản đầu tư	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ ban đầu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ điều quyết
+ Ngân hàng Hàng Hải	Dịch vụ ngân hàng	8.000.000.000.000	1.015.739.351	0,01%
+ Công ty CP Vinalines Đông Bắc	Dịch vụ bến cảng	8.500.000.000	2.207.213.772	25,97%
+ Công ty CP Vinalines Logistics - Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, cho thuê phương tiện,...	142.121.300.000	1.105.704.043	0,78%
+ Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	Dịch vụ cảng biển	365.050.000.000	24.550.600.000	6,73%
+ Công ty CP TM và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, siêu thị, sân golf, bể bơi, vui chơi giải trí...	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%

5 - HÀNG TỐN KHO

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	48.942.564.309	47.484.418.332
- Công cụ, dụng cụ	3.124.104.773	3.235.948.641
Cộng giá gốc hàng tồn kho	52.066.669.082	50.720.366.973

6 - CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Chi phí trả trước ngắn hạn	156.818.182	1.388.773.010
- Chi phí trả trước dài hạn	6.005.507.804	6.862.035.730
	6.162.325.986	8.250.808.740

7 - VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng Liên Việt	-	6.000.000.000
	-	6.000.000.000

8 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	168.244.674.488	104.493.108.797	309.771.738.469	12.079.710.725	594.589.232.479
2. Số tăng trong kỳ	3.883.044.545	108.782.546	11.577.918.001	59.077.200	15.628.822.292
- Mua trong kỳ	3.883.044.545	108.782.546	11.577.918.001	59.077.200	15.628.822.292
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	172.127.719.033	104.601.891.343	321.349.656.470	12.138.787.925	610.218.054.771
Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ	77.156.852.521	34.685.926.943	112.441.233.540	9.771.422.501	234.055.235.505
2. Số tăng trong kỳ	2.891.460.625	3.352.903.497	15.312.516.568	948.216.306	22.505.096.996
- Khấu hao trong kỳ	2.891.460.625	3.352.903.497	15.312.516.568	948.216.306	22.505.096.996
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	80.048.113.146	38.038.830.440	127.753.750.108	10.719.638.807	256.560.332.501
Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	91.088.021.967	69.807.181.854	197.330.504.929	2.308.288.224	360.533.996.974
2. Tại ngày cuối kỳ	92.079.605.887	66.563.060.903	193.595.906.362	1.419.149.118	353.657.722.270
* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					1.560.923.087

9 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH:

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	-	-	-	3.940.000.000	3.940.000.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	3.940.000.000	3.940.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ	-	-	-	1.031.859.715	1.031.859.715
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	244.062.498	244.062.498
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	244.062.498	244.062.498
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	1.275.922.213	1.275.922.213
Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	2.908.140.285	2.908.140.285
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	2.664.077.787	2.664.077.787

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

35.000.000

172
KẾ TÍNH
LÀM
SỔ SÁCH

10 - XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Mua sắm TSCĐ	4.421.739.922	14.960.306.285
+ Dự án kho bãi hàng hoá đổi thương lưu Bến 1	2.042.264.224	2.042.264.224
+ Dự án kho 4200m2 đối trong bến 1	2.298.399.091	2.298.399.091
+ Lắp đặt cần cẩu 20' và 40' tại cầu 6 và 7	81.076.607	81.076.607
+ Nhà văn phòng Bến 1 Cái Lân	-	3.341.293.636
+ Nâng cấp hệ thống điện và điều khiển cầu giàn VULKAN QC1	-	7.197.272.727
- Sửa chữa lớn TSCĐ	155.000.000	155.000.000
+ Hoán cải nâng cấp tàu Hòn Gai	155.000.000	155.000.000
Cộng	4.576.739.922	15.115.306.285

11 - PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả ngắn hạn người bán				
+ Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	11.493.458.599	11.493.458.599	-	-
+ Công ty TNHH Huy Mạnh	8.795.097.444	8.795.097.444	3.216.084.396	3.216.084.396
+ Công ty TNHH TM-DV Tân Vinh Lộc	3.197.711.000	3.197.711.000	732.371.200	732.371.200
+ Phải trả cho các đối tượng khác	10.174.917.012	10.174.917.012	12.248.339.768	12.248.339.768
Cộng	33.661.184.055	33.661.184.055	16.196.795.364	16.196.795.364

12 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2015 VND
a) Phải nộp				
+ Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.458.735.317	9.897.269.452	12.639.887.810	716.116.959
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	89.699.463	89.699.463	-
+ Thuế xuất, nhập khẩu	-	81.544.966	81.544.966	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.801.791.613	1.652.680.961	2.563.357.855	891.114.719
+ Thuế thu nhập cá nhân	19.927.328	449.495.319	454.987.784	14.434.863
+ Tiền thuê đất	-	541.408.428	541.408.428	-
+ Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác				
+ Các khoản lệ phí	-	155.040.000	155.040.000	-
Cộng	5.280.454.258	12.870.138.589	16.528.926.306	1.621.666.541
b) Phải thu				
+ Thuế nhập khẩu	18.248.000	-	-	18.248.000
Cộng	18.248.000	-	-	18.248.000

2-
 T T
 H H
 H H
 H H
 H H
 H H

13 - PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn	326.221.346	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.870.915	4.521.099.106
Cộng	<u><u>431.092.261</u></u>	<u><u>4.521.099.106</u></u>

14 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	366.256.858.866	133.809.829.471	1.596.512.463	501.663.200.800
- Lãi trong năm trước			15.080.626.499	15.080.626.499
- Tăng khác	134.242.506.973	-	5.839	134.242.512.812
- Lỗ trong năm trước			4.938.384.567	4.938.384.567
- Giảm khác	5.839	133.809.829.471	5.028.643.592	138.838.478.902
Số dư đầu năm nay	<u><u>500.499.360.000</u></u>		<u><u>6.710.116.642</u></u>	<u><u>507.209.476.642</u></u>
- Lãi trong kỳ			26.557.366.697	26.557.366.697
- Giảm khác			6.621.918.644	6.621.918.644
Số dư cuối kỳ	<u><u>500.499.360.000</u></u>	-	<u><u>26.645.564.695</u></u>	<u><u>527.144.924.695</u></u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	-	490.603.870.000
+ Công ty cổ phần tập đoàn T&T	490.603.870.000	-
+ Vốn góp của các đối tượng khác	9.895.490.000	9.895.490.000
Cộng	<u><u>500.499.360.000</u></u>	<u><u>500.499.360.000</u></u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	500.499.360.000	366.256.858.866
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	134.242.506.973
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	5.839
+ Vốn góp cuối kỳ	500.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.621.918.644	1.117.558.724

15 - CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngoại tệ các loại		
- USD tại ngân hàng	151.844,51	20.372,46
+ Ngân hàng Liên Việt - CN Quảng Ninh	1.912,55	1.911,60
+ Ngân hàng Quốc tế - CN Quảng Ninh	119.498	817,65
+ Ngân hàng TM CP Hàng hải Quảng Ninh	30.434	17.643,21
- EUR tại ngân hàng	949,08	947,80
+ Ngân hàng Liên Việt - CN Quảng Ninh	842,31	841,03
+ Ngân hàng TM CP Hàng hải Quảng Ninh	106,77	106,77
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
+ Công ty TNHH Thành Tín	113.216.700	113.216.700
+ Công ty Liên Doanh gỗ trồng rừng HABICO	208.255.587	208.255.587
+ Công ty VINASHIP Quảng Ninh	18.202.201	18.202.201
+ Vosco Quảng Ninh	158.795.650	158.795.650
+ Công ty TNHH Tiếp Vận Toàn Cầu Xanh	77.548.462	77.548.462
Cộng	<u>576.018.600</u>	<u>576.018.600</u>

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	185.458.436.721	131.744.210.117
Cộng	<u>185.458.436.721</u>	<u>131.744.210.117</u>

2 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	185.458.436.721	131.744.210.117
Cộng	<u>185.458.436.721</u>	<u>131.744.210.117</u>

3 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	136.538.695.222	111.500.046.320
Cộng	136.538.695.222	111.500.046.320

4 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.262.236	69.618.805
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.973.878	7.183.275
Cộng	140.236.114	76.802.080

5 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	346.030.001	5.022.758.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.304.567	4.026.803
Cộng	400.334.568	5.026.785.253

6 - THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tiền phạt thu được	14.000.000	3.000.000
Thu nhập từ thanh lý phế liệu, chất thải	199.805.455	-
Thu nhập từ cho thuê địa điểm	60.000.000	60.000.000
Thu nhập khác	7.272.727	-
Cộng	281.078.182	63.000.000

7 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.310.529.515	4.989.446.567
Chi phí vật liệu quản lý	264.756.195	322.865.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	812.944.934	587.974.780
Chi phí khấu hao TSCĐ	417.326.566	397.795.626
Thuế, phí và lệ phí	556.178.973	47.842.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.442.179	738.418.975
Chi phí bằng tiền khác	3.217.495.207	2.541.078.952
Chi phí dự phòng	-	3.700.111.913
Cộng	20.730.673.569	13.325.534.913

8 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.652.680.961	298.532.380
Cộng	1.652.680.961	298.532.380

9 - CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.945.386.692	14.987.947.104
Chi phí nhân công	56.241.993.180	46.314.239.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.749.159.494	13.856.554.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.592.384.365	22.802.244.648
Chi phí khác bằng tiền	19.740.445.060	26.864.595.645
Cộng	157.269.368.791	124.825.581.233

VII - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 - Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo kế ước vay thông thường

7.050.000.000 VND

2 - Số tiền đi vay thực trả trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

13.050.000.000 VND

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán Quảng Ninh Kiểm toán.

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn
Ng^o T *Nguyễn*

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Trung Dũng

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Đạo